

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Áp dụng cho hệ cao đẳng tuyển sinh từ năm 2023)

1. Thông tin về giảng viên tham gia giảng dạy học phần

TT	Họ tên giảng viên	Học hàm/ Học vị	Số điện thoại	Email	Đơn vị công tác	Địa điểm làm việc
1	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thạc sĩ	0989121336	tamntt@cdspbacninh.edu.vn	Khoa GD THCS	VPK GD THCS
2	Nguyễn Hương Giang	Thạc sĩ	0988677221	nguyenhuonggiangcdsp@bacninh.edu.vn	Khoa GD THCS	VPK GD THCS
3	Đàm Công Thắng	Thạc sĩ	0914668616	wonder_bronco@yahoo.com	Khoa GD THCS	VPK GD THCS

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC
- Mã học phần: TLMN.ĐC.01
- Số tín chỉ: 02
- Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non Bậc đào tạo: Cao đẳng Hình thức đào tạo: Chính quy, VLVH, liên thông
- Các học phần tiên quyết: Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động
 - + Lên lớp: 10 tiết
 - + Thực hành: 40 tiết
 - + Sinh viên tự học: 60 giờ

- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tin học /Khoa Giáo dục Trung học cơ sở

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Nắm được các kiến thức về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
- Hiểu được đặc điểm, vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong giáo dục mầm non.
- Trình bày được một số phần mềm và thiết bị sử dụng trong giáo dục mầm non, các ứng dụng của CNTT và truyền thông trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

3.2. Kỹ năng

- Thực hiện các thao tác sử dụng máy tính cơ bản; sử dụng internet cơ bản; làm việc với phần mềm soạn thảo và xử lý văn bản; làm việc với phần mềm bảng tính; làm việc với phần mềm trình chiếu.
- Khai thác và sử dụng một số phần mềm, phương tiện, thiết bị vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc.
- Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với tổ, nhóm làm việc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

4.1. Về kiến thức

KT1. Sử dụng được kiến thức về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản gồm: kỹ năng sử dụng máy tính cơ bản; sử dụng internet cơ bản; làm việc với phần mềm soạn thảo và xử lý văn bản; làm việc với phần mềm bảng tính; làm việc với phần mềm trình chiếu trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ. (KTĐC4)

KT2. Tóm tắt được đặc điểm, vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong giáo dục mầm non; các ứng dụng của CNTT và truyền thông trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. (KTCN10)

KT3. Sử dụng được kiến thức về một số phần mềm và các thiết bị công nghệ trong giáo dục mầm non để ứng dụng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. (KTCN10)

4.2. Về kỹ năng

4.2.1. Về kỹ năng cứng (KNC)

KNC1. Sử dụng máy tính cơ bản, internet cơ bản, sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm bảng tính và phần mềm trình chiếu trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ. (KNC5)

4.2.2. Về kỹ năng mềm (KNM)

KNM1. Khai thác và ứng dụng một số phần mềm, phương tiện, thiết bị vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ. (KNM8)

4.3. Về năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm

NL1. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc. (NL1)

NL2. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với tổ, nhóm làm việc. (NL1)

5. Ma trận liên kết nội dung chương/mục với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần	Kiến thức			Kỹ năng		Năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm	
	KT1	KT2	KT3	KNC1	KNM1	NL1	NL2
Chương 1: Hiểu biết cơ bản về CNTT và kỹ năng sử dụng máy tính cơ bản	x			x	x	x	x
Chương 2: Xử lý văn bản cơ bản	x		x	x	x	x	x
Chương 3: Sử dụng phần mềm bảng tính cơ bản	x		x	x	x	x	x
Chương 4: Sử dụng trình chiếu cơ bản	x		x	x	x	x	x
Chương 5: Ứng dụng CNTT và truyền thông trong giáo dục mầm non		x	x	x	x	x	x

6. Các yêu cầu của học phần

- ***Yêu cầu đối với sinh viên:*** Đọc nghiên cứu giáo trình, tài liệu; sưu tầm các tài liệu liên quan đến bài; chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; tích cực tham gia thảo luận và thực hành.

- ***Yêu cầu giảng viên:*** Hướng dẫn sinh viên khai thác bài học, đọc tài liệu, hướng dẫn làm bài tập, thảo luận, thực hành theo nội dung đề cương học phần; kiểm tra đánh giá thường xuyên sinh viên để đạt được mục tiêu của học phần.

7. Nội dung, phương pháp dạy - học

TT số tiết theo CT	Nội dung chi tiết	Phương pháp dạy – học	Giờ giảng dạy trên lớp		Giờ sinh viên tự học
			Lí thuyết	Bài tập/ Thực hành/ Thảo luận	
	Chương 1: Hiểu biết cơ bản về CNTT và kỹ năng sử dụng máy tính cơ bản		(3)	(7)	(10)
1	1.1. Hiểu biết cơ bản về CNTT 1.1.1. Các kiến thức cơ bản về máy tính và mạng máy tính	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề - Dạy học hợp tác	1		2
2-3	1.1.2. Các ứng dụng của CNTT và truyền thông 1.1.3. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng CNTT 1.1.4. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính 1.1.5. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng CNTT	- Thảo luận nhóm		2	2
4	1.2. Kỹ năng sử dụng máy tính cơ bản 1.2.1. Các hiểu biết cơ bản khi làm việc với máy tính	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	1		2

	1.2.2. Làm việc với hệ điều hành 1.2.3. Quản lí thư mục và tệp 1.2.4. Một số phần mềm tiện ích 1.2.5. Sử dụng tiếng Việt khi làm việc với máy tính 1.2.6. Sử dụng máy in	- Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề - Dạy học hợp tác			
5-6	* Thực hành: - Tổ chức và sắp xếp dữ liệu trên máy tính. - Sử dụng một số phần mềm tiện ích: Nén và giải nén, diệt virus... - Quản lí và thiết lập máy in - Một số thao tác thiết lập hệ điều hành	- Thực hành		2	1
7	1.3. Kỹ năng sử dụng Internet cơ bản 1.3.1. Kiến thức cơ bản về Internet 1.3.2. Sử dụng trình duyệt Web 1.3.3. Sử dụng Web 1.3.4. Sử dụng thư điện tử 1.3.5. Một số dạng truyền thông thông dụng	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề - Dạy học hợp tác	1		2
8-10	* Thực hành: - Sử dụng trình duyệt Web - Khai thác thông tin từ internet: Tìm hiểu Bộ quy tắc “Văn hóa giao thông” của người Bắc Ninh - Kinh Bắc. - Trao đổi thông tin bằng thư điện tử, hội thảo trực tuyến	- Thực hành		3	1
	Chương 2: Xử lí văn bản cơ bản		(2)	(8)	(12)
11	2.1. Kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lí văn bản	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	1		2

	2.2. Sử dụng phần mềm xử lý văn bản 2.3. Định dạng văn bản	- Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề - Dạy học hợp tác			
12-13	* Thực hành Thực hành các kỹ năng soạn thảo và xử lý văn bản đã học thông qua: - Soạn thảo văn bản hành chính theo mẫu - Soạn thảo và định dạng văn bản theo mẫu	- Thực hành		2	2
14	2.4. Chèn các đối tượng vào văn bản 2.5. Kết xuất và phân phối văn bản 2.6. Soạn thông điệp và văn bản hành chính	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề - Dạy học hợp tác	1		2
15-16	* Thực hành Thực hành các kỹ năng soạn thảo và xử lý văn bản đã học thông qua: - Soạn thảo và định dạng văn bản theo mẫu	- Thực hành		2	2
17-18	* Thực hành - Soạn thảo và làm việc với tài liệu trực tuyến	- Thực hành		2	2
19-20	* Thực hành - Soạn kế hoạch bài giảng một bài dạy trong chương trình Giáo dục Mầm non	- Thực hành		2	2
	Chương 3: Sử dụng phần mềm bảng tính cơ bản		(2)	(8)	(12)
21	3.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính 3.2. Làm việc với phần mềm bảng tính 3.3. Thao tác đối với ô (ô tính)	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học phát hiện và giải	1		2

	3.4. Thao tác trên trang tính	quyết vấn đề - Dạy học hợp tác			
22-24	* Thực hành - Nhập một bảng dữ liệu có dữ liệu đơn giản, định dạng, căn chỉnh, trình bày nội dung đã nhập. - Thực hiện sắp xếp và lọc dữ liệu.	- Thực hành		3	2
25	3.5. Biểu thức và hàm 3.6. Tạo biểu đồ	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề - Dạy học hợp tác	1		4
26-28	Thực hành - Nhập và trình bày một số bảng dữ liệu thông dụng. - Thực hiện một số tính toán đơn giản sử dụng một số hàm đã học.	- Thực hành		3	2
29-30	* Thực hành - Thực hiện một số tính toán đơn giản sử dụng một số hàm đã học. - Xử lý một số lỗi thường gặp khi tính toán (lỗi công thức, lỗi dữ liệu). - Tạo biểu đồ từ dữ liệu đã nhập	- Thực hành		2	2
	Chương 4: Sử dụng trình chiếu cơ bản		(1)	(9)	(12)
31	4.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình và trình chiếu 4.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu 4.3. Lập kế hoạch cho việc trình chiếu 4.4. Xây dựng nội dung bài thuyết trình	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề	1		4

	4.5. Đưa các đối tượng đồ họa vào trang thuyết trình 4.6. Liên kết, nhúng, nhập/xuất các trang trình chiếu, bản trình chiếu. 4.7. Chuẩn bị, trình chiếu và in thuyết trình 4.8. Sử dụng hiệu ứng trong trình chiếu	- Dạy học hợp tác			
32-33	* Thực hành Thực hành các kỹ năng đã học thông qua việc tạo một bài thuyết trình có nội dung đơn giản: Tạo một bài trình chiếu có nội dung tuyên truyền về an toàn giao thông.	- Thực hành		2	2
34-35	* Thực hành: - Tạo hiệu ứng cho các đối tượng trên slide - Thực hành tạo liên kết, nhập xuất các trang trình chiếu	- Thực hành		2	2
36-37	* Thực hành: - Thực hành tạo một trò chơi bằng phần mềm trình chiếu sử dụng các thao tác đã học	- Thực hành		2	2
38-40	* Thực hành: - Thực hành thiết kế một bài trình chiếu hỗ trợ dạy học một nội dung trong chương trình giáo dục mầm non.	- Thực hành		3	2
	Chương 5: Ứng dụng CNTT và truyền thông trong giáo dục mầm non		(2)	(8)	(16)
41	5.1. Đặc điểm của ứng dụng CNTT và truyền thông trong GDMN 5.2. Vai trò và tiềm năng của việc ứng dụng CNTT và truyền thông trong GDMN	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề - Dạy học hợp tác	1		2

42-43	Thảo luận - Vai trò và tiềm năng của việc ứng dụng CNTT và truyền thông trong GDMN	- Thảo luận nhóm		2	2
44	5.3. Một số thiết bị công nghệ và phần mềm trong GDMN 5.4. Một số ví dụ sử dụng CNTT và truyền thông trong GDMN - Sử dụng CNTT để ghi lại, chia sẻ và phản ánh về việc học tập của trẻ - Sử dụng CNTT để hỗ trợ phản ánh quan trọng của trẻ, các bên liên quan và gia đình - Thực hiện cách tiếp cận theo chủ đề để sử dụng CNTT trong lớp học mầm non	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề - Dạy học hợp tác	1		4
45-47	* Thực hành: Thực hành kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trong GDMN - Sử dụng các thiết bị công nghệ để ghi lại, chia sẻ và phản ánh về việc học tập của trẻ. - Sử dụng thiết bị công nghệ để hỗ trợ phản ánh quan trọng của trẻ, các bên liên quan và gia đình.	- Thực hành		3	4
48-50	* Thực hành: - Sử dụng các thiết bị công nghệ và phần mềm thương mại sử dụng trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ	- Thực hành		3	4

8. Tài liệu chính và tài liệu tham khảo

- Tài liệu chính

[1]. Nguyễn Thị Thanh Tâm, Nguyễn Hương Giang, Đàm Công Thắng, Tài liệu học tập - Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh, CNTT và Ứng dụng CNTT trong dạy học, 2019.

- Tài liệu tham khảo

[2]. Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

[3] Hoàng Công Dụng, Hướng dẫn sử dụng một số phần mềm vui chơi, học tập thông dụng cho trẻ mầm non, Module bồi dưỡng thường xuyên giáo viên Mầm non, mô đun MN31, 2018.

[4]. UNESCO (2018), UNESCO ICT Competency Framework for Teachers, ver.3.
<https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000265721>

[5]. Ivan Kalaš (2010), Recognizing the potential of ICT in early childhood education, UNESCO Institute for Information Technologies in Education. <http://iite.unesco.org/pics/publications/en/files/3214673.pdf>

[6]. New Zealand Council for Educational Research (2004), The role and potential of ICT in early childhood education A review of New Zealand and international literature. <https://www.nzcer.org.nz/system/files/ictinecefinal.pdf>

9. Phương thức kiểm tra, đánh giá điểm học phần

9.1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:

* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm kiểm tra.
- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm kiểm tra.

* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):

- Hình thức thi: Thực hành.
- Thời gian: 60 phút.

9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường

xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;

- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

9.3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến **một** chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thương

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023

TRƯỞNG BỘ MÔN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tâm

PHỤ LỤC 1
MA TRẬN MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

2. Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (GDMN)

3. Mã ngành: 51140201

4. Loại hình đào tạo: Chính quy, VLVH, liên thông

Trưởng môn (Kí, ghi rõ họ và tên):.....

5. Thời gian đào tạo: 3 năm

Học phần: **Công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học**

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Được thể hiện và mô tả trong học phần
1. Phẩm chất	1.1.Yêu quê hương, đất nước	1.1.1	
		1.1.2	
		1.1.3	
		1.1.4	
	1.2.Mến trẻ	1.2.1	
		1.2.2	
		1.2.3	
	1.3.Yêu nghề	1.3.1	
		1.3.2	
		1.3.3	
	1.4.Trung thực	1.4.1	
		1.4.2	
		1.4.3	
	1.5.Trách nhiệm	1.5.1	
		1.5.2	

	1.6.Tự học	1.5.3	
		1.5.4	
		1.5.5	
		1.6.1	x
		1.6.2	x
		1.6.3	x
2. Năng lực chung	2.1.Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	2.1.1	
		2.1.2	
		2.1.3	
		2.1.4	
		2.1.5	
	2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	2.2.1	
		2.2.2	
		2.2.3	
		2.2.4	x
		2.2.5	x
		2.2.6	x
		2.2.7	
	2.3.Năng lực lãnh đạo	2.3.1	

		2.3.2	
		2.3.3	
	2.4.Năng lực giải quyết vấn đề	2.4.1	x
		2.4.2	x
		2.4.3	x
		2.4.4	x
		2.4.5	x
		2.4.6	x
	2.5. Năng lực về xây dựng văn hóa nhà trường	2.5.1	
		2.5.2	
		2.5.3	
	2.6.Năng lực phản biện	2.6.1	x
		2.6.2	x
		2.6.3	x
3. Năng lực sư phạm	3.1. Năng lực lập kế hoạch dạy học và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non.	3.1.1	
		3.1.2	
		3.1.3	
		3.1.4	
		3.1.5	
		3.1.6	
		3.1.7	
		3.1.8	
		3.1.9	
	3.2. Năng lực chăm sóc và giáo dục	3.2.1	
		3.2.2	
		3.2.3	
		3.2.4	
		3.2.5	

		3.2.6	
		3.2.7	
	3.3.Năng lực định hướng	3.3.1	
		3.3.2	
		3.3.3	
	3.4. Năng lực hoạt động xã hội	3.4.1	
		3.4.2	
		3.4.3	
	3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	3.5.1	
		3.5.2	
		3.5.3	x
		3.5.4	
4 Năng lực nghề nghiệp p	4.1. Năng lực khoa học GDMN	4.1.1	
		4.1.2	
		4.1.3	
		4.1.4	
	4.2.Năng lực sử dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn khoa học GDMN để giải thích Chương trình GDMN	4.2.1	
		4.2.2	
		4.2.3	
	4.3. Năng lực hiểu và vận dụng các kiến thức khoa học tổng quát và khóa học ngành vào thực tiễn	4.3.1	
		4.3.2	
		4.3.3	
		4.3.4	
		4.3.5	
	4.4. Năng lực nghiên cứu khoa học GDMN	4.4.1	
		4.4.2	
		4.4.3	

	4.5. Năng lực sử dụng tiếng nước ngoài trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.5.1	
		4.5.2	
		4.5.3	
	4.6. Năng lực sử dụng công	4.6.1	x

	nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.6.2	x
		4.6.3	x

PHỤ LỤC 2
BẢNG LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GIÁO VIÊN MẦM NON, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức														Kĩ năng														Năng lực tự chủ và trách nhiệm									
		Kiến thức đại cương					Kiến thức chuyên ngành									Kĩ năng cứng						Kĩ năng mềm																	
		K T Đ C 1	K T Đ C 2	K T Đ C 3	K T Đ C 4	K T Đ C 5	K T C N 1	K T C N 2	K T C N 3	K T C N 4	K T C N 5	K T C N 6	K T C N 7	K T C N 8	K T C N 9	K T C N 10	K N C 1	K N C 2	K N C 3	K N C 4	K N C 5	K N C 6	K N M 1	K N M 2	K N M 3	K N M 4	K N M 5	K N M 6	K N M 7	K N M 8	K N M 9	K N M 10	K N M 11	K N M 12	N L 1	N L 2	N L 3		
TI.MN. ĐC.01	Công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học				X	X									X						X																X		

Ghi chú: Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng chuẩn đầu ra nào của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thì đánh dấu “x” tương ứng.